TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **09**/2026/KDTM - ST
Ngày: 09/6/2026
V/v tr/c: Hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân

- Ông Phạm Ngọc Hà

- Bà Trần Vĩnh Hạnh

Thư ký phiên toà: Bà **Đặng Thị Giang** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2026/TLST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp *"Hợp đồng mua bán hàng hóa"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 629/2026/QĐXX ngày 02/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 526/2026/QĐXX ngày 20/5/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần V
Địa chỉ: B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Diễm T, sinh năm 1994 (có mặt)
Địa chỉ: A C, phường B, thành phố Cần Thơ.
Bị đơn: Công ty Cổ phần G (vắng mặt)
Địa chỉ: đường L, phường B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/02/2025 Công ty Cổ phần V (gọi tắt là Công ty V) và Công ty cổ phần G (gọi tắt là Công ty G) ký kết hợp đồng mua bán Clinker số 01/2025 và Phụ lục hợp đồng mua bán Clinker số 01/2025 cùng ngày, theo đó Công ty V bán cho Công ty 720 tổng số lượng Clinker với đơn giá 970.000 đồng/tấn. Nguyên đơn đã giao đủ số lượng hàng hóa theo thỏa thuận và ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho phía bị đơn vào ngày 11/3/2025 với tổng số tiền là 4.685.439.500 đồng. Tuy nhiên Công ty G

mới chỉ thanh toán được số tiền 1.700.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 2.985.439.500 đồng.

Ngày 19/12/2025 Công ty V và Công ty G tiến hành xác nhận công nợ thông qua bản đối chiếu và xác nhận công nợ, theo đó phía bị đơn thống nhất xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 3.774.786.738 đồng (bao gồm tiền gốc là 2.985.439.500 đồng và tiền lãi là 789.347.238 đồng), tuy nhiên từ ngày đối chiếu công nợ đến nay thì phía bị đơn chưa thanh toán số tiền còn nợ này cho nguyên đơn.

Do vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ như trên và tiếp tục trả lãi cho chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 20/12/2025 đến ngày 03/3/2026 (tạm tính đến ngày khởi kiện) với mức lãi suất là 0,1%/ngày trên số nợ gốc là 2.985.439.500 đồng, tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu Công ty G phải thanh toán là 3.903.160.636 đồng. Và yêu cầu công ty G phải tiếp tục trả lãi với mức lãi suất như trên cho đến khi trả dứt nợ.

Phía bị đơn – Công ty Cổ phần G: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến theo triệu tập, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với phía bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa;

Bị đơn vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải trả nợ gốc, lãi theo bản đối chiếu công nợ ngày 19/12/2025 đã ký giữa hai bên. Yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số nợ gốc là 2.985.439.500 đồng, kể từ ngày 20/12/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm và cho đến khi trả dứt nợ, mức lãi suất yêu cầu là 13,5%/năm (thay đổi thấp hơn so với yêu cầu khởi kiện).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía bị đơn – Công ty Cổ phần G có ký nhận có thông báo của Tòa án nhưng không đến theo triệu tập, đây là trường hợp đương sự cố tình vắng mặt, do vậy có căn cứ để xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần 720 theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp trong vụ kiện là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh, tranh chấp này do Bộ luật dân sự, Luật thương mại điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1] Về nợ gốc: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm Hợp đồng mua bán Clinker số 01/2025 ngày 14/02/2025 và Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 19/12/2025 có chữ ký và dấu mộc của 02 công ty, chứng minh được nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa (C), theo đó phía nguyên đơn đã thực hiện xong việc giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn theo hợp đồng. Bị đơn đã tiếp nhận hàng hóa và thanh toán được một phần giá trị hợp đồng, còn nợ

lại 2.985.439.500 đồng chưa thanh toán. Vì vậy, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, tại biên bản đối chiếu, phía bị đơn – Công ty G xác nhận còn nợ công ty V số tiền 3.774.786.738 đồng (gồm 2.985.439.500 tiền gốc và lãi là 789.347.238 đồng). Và kể từ sau ngày đối chiếu công nợ (19/12/2025) đến nay, phía bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền đã xác nhận theo biên bản đối chiếu công nợ. Xét thấy, các chứng cứ nguyên đơn cung cấp đã đủ cơ sở để buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 3.774.786.738 đồng (1).

[3.2] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu về mức lãi suất, yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất là 13,5%/năm, trên số nợ gốc là 2.985.439.500 đồng, tính từ ngày 20/12/2025 (sau ngày đối chiếu công nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm (09/6/2026). Xét thấy, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật, là thấp hơn mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán - có lợi cho phía bị đơn, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, tiền lãi được tính như sau: nợ gốc 2.985.439.500 đồng x 1,125%/tháng x 05 tháng 20 ngày = 190.325.000 đồng (2).

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: (1) + (2) = 3.965.112.000 đồng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào**:**

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 466, 468 Bộ luật dân sự.
- Điều 55, Điều 306 Luật thương mại.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty Cổ phần G phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn – Công ty Cổ phần V số tiền gốc, lãi còn nợ (tạm tính đến ngày 09/6/2026) là 3.965.112.000 (Ba tỉ, chín trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm mười hai ngàn đồng)
- Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu: 111.302.000 đồng.

- Nguyên đơn được nhận lại 55.031.000 đồng theo biên lai thu số 0005860 ngày 31/3/2026 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cần Thơ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND KV2- CT;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- Phòng THADS KV2-CT
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ